

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm.
2. Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2017 nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian chung sống vợ chồng tạo được 01 con chung tên là Nguyễn Thái T, sinh ngày 25/02/2004, hiện con chung do anh T đang nuôi dạy.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đã ly thân khoảng 6 năm.

Chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con, cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Bị đơn có nơi cư trú tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện T, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn anh Nguyễn Ngọc T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống chị T xác định vợ chồng hay cự cãi với nhau do tính tình không hòa hợp, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân khoảng 06 năm nay. Chị T có yêu cầu được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc hôn nhân giữa chị T và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh T tạo được 01 con chung tên là Nguyễn Thái T, sinh ngày 25/02/2004, hiện con chung do anh T đang nuôi dạy. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố:

Không công nhận chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Ngọc T** là vợ chồng.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng, chị đã nộp tạm ứng 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006521 ngày 05/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T, anh T có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
 (Đã ký)

Giang Trung Kiên

